

Số: 09/2024/QĐST-DS

Yên Dũng, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phương Thị H có đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc anh Lương Đức D trả tiền lãi từ ngày 14/3/2023 đến khi ngày 14/12/2023 là 09 tháng, lãi suất 15%/ năm là 11.250.000đ; Buộc anh D trả tiền công đi lại, ăn nghỉ của chị H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có bản án, ngày công là 120.000đ/1 ngày, tạm tính đến ngày 27/5/2024, chị H phải đi lại 10 lần x 120.000đ = 1.200.000đ; Xem xét hành vi mua bán, trao đổi dịch vụ Code FE của Nguyễn Ngọc Q cùng với chị H là nhân viên của FE Credit có trái quy định của FE Credit hay không; Đề nghị làm rõ việc Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (FE Credit) trong việc bán, cung cấp Code FE tại thị trường tỉnh Bắc Giang; Yêu cầu làm rõ trách nhiệm Hộ kinh doanh T trong việc sử dụng lao động đối với anh Nguyễn Ngọc Q về nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, hợp đồng lao động. Trước khi tiến hành hòa giải, chị Phương Thị H đã có thông báo sửa đổi, bổ sung đơn và rút các yêu cầu khởi kiện nêu trên, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Bị đơn anh Lương Đức D đồng ý với việc chị H thay đổi, bổ

sung đơn và rút các yêu cầu khởi kiện nêu trên nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phương Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 4/118 Phan Đình P, phường Hoàng Văn T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo ủy quyền: Chi nhánh Công ty Luật TNHH Hoàng Anh T tại tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Duy K, chức vụ: Phó Trưởng Chi nhánh (theo giấy ủy quyền ngày 16/5/2024 của Luật sư Trần Hải Nam, chức vụ: Trưởng chi nhánh); địa chỉ: Tòa nhà FTC, xóm 1, xã Xuân Nẻo, xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Lương Đức D, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

+ Hộ kinh doanh Trần Văn T (Cửa hàng xe máy Thành T); Địa chỉ: Tổ dân phố Dục Q, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

+ Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà REE Tower, số 9 đường Đoàn Văn Bơ, phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G, chức vụ: Tổng Giám đốc.

+ Anh Đặng Ngọc L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 4/118 Phan Đình Phùng, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo ủy quyền: Chi nhánh Công ty Luật TNHH Hoàng Anh T tại tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Duy K, chức vụ: Phó Trưởng Chi nhánh (theo giấy ủy quyền ngày 16/5/2024 của Luật sư Trần Hải Nam, chức vụ: Trưởng chi nhánh); địa chỉ: Tòa nhà FTC, xóm 1, xã Xuân Nẻo, xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hủy giao dịch ngày 14/3/2023 giữa chị Phương Thị H và anh Lương Đức D về việc chị Phương Thị H và anh Lương Đức D thỏa thuận cùng dùng chung mã Code Fe.

2.2. Anh Lương Đức D có nghĩa vụ trả cho chị Phương Thị H số tiền 100.000.000đồng (*Một trăm triệu đồng*). Việc trả số tiền 100.000.000đồng được chia thành 10 tháng, mỗi tháng tương ứng với một kỳ trả nợ, tổng là 10 kỳ trả nợ. Mỗi tháng anh Lương Đức D phải trả chị Phương Thị H số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*), trả vào ngày 25 dương lịch hàng tháng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/6/2024, kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 25/03/2025, cụ thể như sau:

- Ngày 25/6/2024, trả số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*);
- Ngày 25/7/2024, trả số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*);
- Ngày 25/8/2024, trả số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*);
- Ngày 25/9/2024, trả số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*);
- Ngày 25/10/2024, trả số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*);
- Ngày 25/11/2024, trả số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*);
- Ngày 25/12/2024, trả số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*);
- Ngày 25/01/2025, trả số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*);
- Ngày 25/02/2025, trả số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*);
- Ngày 25/03/2025, trả số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*).

Toàn bộ số tiền mà anh D có nghĩa vụ trả tiền chị H được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 9912468505, chủ tài khoản là Phạm Duy K, được mở tại Ngân hàng cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), chi nhánh tỉnh Lạng Sơn.

2.3. Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng một trong những cam kết đã thỏa thuận trên đây, vi phạm một kỳ trả nợ (01 tháng) thì bên có quyền được yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án.

2.4. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án cho

đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền còn phải thi hành án.

2.5. Về án phí:

2.5.1. Anh Lương Đức D phải chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.5.2. Trả lại chị Phương Thị H số tiền 2.781.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005190 ngày 24/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thủy

